TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2024/QĐST-HNGĐ	*Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con".

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 427/2024/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2024, về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con",* theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 468/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa Liên bang Đ.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh N ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy quyền; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N được tự

do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 14/12/2015.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì anh N đi lao động tại Slovakia, thuộc Cộng hòa S đến khoảng năm 2022 anh về phép thăm gia đình sau đó lại tiếp tục sang Slovakia làm việc. Thời gian sinh sống và làm việc ở Slovakia được khoảng 4 năm thì anh chuyển sang Cộng hòa liên bang Đ sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, kể từ khi anh về phép, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày nên tình cảm có nhiều thay đổi, rạn nứt, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H và anh N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hà Bảo N1, sinh ngày 06/10/2016 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 17/3/2020, hiện các con đang ở với chị H. Chị H và anh N cùng thống nhất giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh N tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1958, địa chỉ: Cụm A, thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương thay anh chăm sóc các con chung cho đến khi anh về nước, anh có trách nhiệm gửi tiền về cho ông K nuôi các con.

Về tài sản chung: Chị H, anh N cùng xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị H, anh N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn N hiện đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ1 nên anh ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn K thay anh giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Ông K nhất trí nhận ủy quyền của anh N. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông K đã thông báo cho anh N biết; anh N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện chị Nguyễn Thị H bận công việc, anh Nguyễn Văn N đang lao động ở nước ngoài nên không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được, anh chị đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn K có quan điểm: Đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Minh Đ1 cho đến khi anh N về nước, ông không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi các cháu cho ông và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H, anh N là cháu Nguyễn Hà Bảo N1 có nguyện vọng

được ở với anh N và ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N; Giao con chung Nguyễn Hà Bảo N1, sinh ngày 06/10/2016 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 17/3/2020 cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, anh N tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Minh Đ1 cho ông Nguyễn Văn K tiếp tục nuôi dưỡng trong thời gian anh N không có mặt ở Việt Nam. Anh N và chị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị H hiện đang sinh sống tại Việt Nam, anh N hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết chị H, anh N, ông K đều có đơn và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh N không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Tổng Lãnh sự quán C tại Frankfurt am M- CHCB Đ1 chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh N gửi về đúng ý chí, nguyện vọng của anh.

Do các đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N

được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 14/12/2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì anh N đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, anh chị không còn liên lạc, không quan quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và anh N.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Hà Bảo N1, sinh ngày 06/10/2016 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 17/3/2020. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Minh Đ1 cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), anh N tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Con chung Nguyễn Hà Bảo N1 có nguyện vọng được ở với anh N và ông K. Ông K nhất trí nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Minh Đ1 trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tạm giao cháu Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Minh Đ1 cho ông K chăm sóc cho đến khi anh N về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị H và anh N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N, giao con chung Nguyễn Hà Bảo N1, sinh ngày 06/10/2016 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 17/3/2020 cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), anh N tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh N không có mặt ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Minh Đ1 cho ông Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 150.000đ *(một trăm lăm mươi nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số 0005088 ngày 06/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Nguyễn Thị H nộp tiền), chị H, anh N đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đoàn Thị Hương Nhu